

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 02 - 2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thế.

Ông Bùi Văn Nên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Tòng, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 403/2017/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2017, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Tiểu L, sinh năm 1998, có mặt;

Địa chỉ: Số A, ấp B T, xã B T T, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1992, có đơn xin vắng mặt;

Địa chỉ: Số B, ấp T T, xã B T T, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2017, trong biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Tiểu L trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 2014, chị Lê Tiểu L với anh Nguyễn Thanh T do quen biết nhau nên đi đến hôn nhân và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau, chị Lê Tiểu L với anh Nguyễn Thanh T sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân là do cả hai bất đồng về quan điểm sống, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Chị Lê Tiểu L với anh Nguyễn Thanh T sống chung với nhau có 01 con chung tên Nguyễn Thị N Q, sinh ngày 25/4/2014 (cháu hiện đang sống với chị Lê Tiểu L). Chị Lê Tiểu L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị N Q, không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Trong biên bản hòa giải và tờ tường trình anh Nguyễn Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T và chị Lê Tiểu L được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và sống chung cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau, anh với chị Lê Tiểu L sống hạnh phúc đến khoảng tháng 01 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nay chị Lê Tiểu L xin ly hôn, anh T đồng ý.

- Về con chung: Anh Nguyễn Thanh T với chị Lê Tiểu L sống chung với nhau có 01 con chung tên Nguyễn Thị N Q, sinh ngày 25/4/2014 (cháu hiện đang sống với chị L). Anh Nguyễn Thanh T đồng ý giao con chung cho chị Lê Tiểu L tiếp tục nuôi dưỡng, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 19 tháng 12 năm 2017 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, chị Lê Tiểu L cho rằng, chị và anh Nguyễn Thanh T kết hôn vào năm 2014, nhưng không đăng ký kết hôn. Do cuộc sống vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị và anh Nguyễn Thanh T đã ly thân từ tháng 10 năm 2015 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Thanh T vắng mặt nhưng theo tờ tường trình ngày 18/01/2018, thì anh Nguyễn Thanh T đồng ý ly hôn với chị Lê Tiểu L. Do chị Lê

Tiểu L và anh Nguyễn Thanh T không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 qui định:

1. “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”

Theo khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định:

“ 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....”.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định:

“1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này....”.

Do hôn nhân của chị Lê Tiểu L và anh Nguyễn Thanh T không đăng ký kết hôn nên pháp luật không công nhận chị Lê Tiểu L và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Lê Tiểu L với anh Nguyễn Thanh T sống chung với nhau có 01 con chung tên Nguyễn Thị N Q, sinh ngày 25/4/2014 (cháu hiện đang sống với chị Lê Tiểu L). Nay chị Lê Tiểu L và anh Nguyễn Thanh T ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con. Theo biên bản hòa giải ngày 18/01/2018, thì anh Nguyễn Thanh T đồng ý giao cháu Huỳnh cho chị Lê Tiểu L tiếp tục nuôi dưỡng, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử giao cháu Quỳnh cho chị Lê Tiểu L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thanh T không cấp dưỡng nuôi con.

Theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“ 1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng...”

Xét thấy việc thỏa thuận giữa chị Lê Tiểu L và anh Nguyễn Thanh T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị Lê Tiểu L, anh Nguyễn Thanh T có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Tiểu L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Theo Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì anh T được quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định:

“1. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”.

[6] Về tài sản chung: Chị Lê Tiểu L với anh Nguyễn Thanh T thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có.

[8] Về án phí: Chị Lê Tiểu L phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản Điều 27 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 05 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Tiểu L với anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Lê Tiểu L tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị N Q, sinh ngày 25/4/2014 (hiện cháu đang sống với chị Lê Tiểu L). Anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Tiểu L, anh Nguyễn Thanh T có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh Nguyễn Thanh T được quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Tiểu L với anh Nguyễn Thanh T thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm:

Chị Lê Tiểu L phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 02173, ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

5. Chị Lê Tiểu L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Thanh T vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát huyện Lấp Vò;
- THADS huyện Lấp Vò;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Phước